

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/NQ-HĐND

An Giang, ngày 28 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính
cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 29 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Thông báo số 767-TB/TU, ngày 18 tháng 4 năm 2025 kết luận Hội nghị lần thứ 19 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI;

Căn cứ Thông báo số 771-TB/TU, ngày 24 tháng 4 năm 2025 kết luận Hội nghị chuyên đề Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI;

Xét Tờ trình số 498/TTr-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân tỉnh An Giang về việc tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025, với nội dung cụ thể như sau:

1. Thành lập phường Long Xuyên trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường Mỹ Bình, phường Mỹ Long, phường Mỹ Xuyên, phường Mỹ Phước, phường Mỹ Quý, phường Mỹ Hòa. Sau khi thành lập, phường Long Xuyên có diện tích tự nhiên 29,98 km² và quy mô dân số 154.858 người.

2. Thành lập phường Bình Đức trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường Bình Đức, phường Bình Khánh, xã Mỹ Khánh. Sau khi thành lập, phường Bình Đức có diện tích tự nhiên 28,23 km² và quy mô dân số 72.822 người.

3. Thành lập phường Mỹ Thới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường Mỹ Thạnh, phường Mỹ Thới. Sau khi thành lập, phường Mỹ Thới có diện tích tự nhiên 37,09 km² và quy mô dân số 60.450 người.

4. Giữ nguyên trạng xã Mỹ Hòa Hưng hiện nay, có diện tích tự nhiên 19,65 km² và quy mô dân số 26.727 người (do có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối với các đơn vị hành chính liền kề).

5. Thành lập phường Châu Đốc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường Vĩnh Nguơn, phường Châu Phú A, phường Châu Phú B, phường Vĩnh Mỹ, một phần diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Vĩnh Châu (ấp Mỹ An). Sau khi thành lập, phường Châu Đốc có diện tích tự nhiên 41,32 km² và quy mô dân số 97.438 người.

6. Thành lập phường Vĩnh Tế trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường Núi Sam, xã Vĩnh Tế, một phần diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Vĩnh Châu (ấp Mỹ Thuận và ấp Mỹ Phú). Sau khi thành lập, phường Vĩnh Tế có diện tích tự nhiên 64,25 km² và quy mô dân số 40.222 người.

7. Thành lập xã An Phú trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn An Phú, xã Vĩnh Hội Đông, điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Phú Hội, xã Phước Hưng (ấp Phước Mỹ và ấp Phước Thạnh). Sau khi thành lập, xã An Phú có diện tích tự nhiên 34,70 km² và quy mô dân số 49.051 người.

8. Thành lập xã Vĩnh Hậu trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Vĩnh Trường, thị trấn Đa Phước, xã Vĩnh Hậu. Sau khi thành lập, xã Vĩnh Hậu có diện tích tự nhiên 48,45 km² và quy mô dân số 60.424 người.

9. Thành lập xã Nhơn Hội trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Nhơn Hội, xã Quốc Thái, điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Phước Hưng, xã Phú Hội. Sau khi thành lập, xã Nhơn Hội có diện tích tự nhiên 43,82 km² và quy mô dân số 57.540 người.

10. Thành lập xã Khánh Bình trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Long Bình, xã Khánh An, xã Khánh Bình. Sau khi thành lập, xã Khánh Bình có diện tích tự nhiên 17,93 km² và quy mô dân số 42.746 người.

11. Thành lập xã Phú Hữu trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Phú Hữu, xã Vĩnh Lộc, điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Phước Hưng (khu vực Cồn Cóc thuộc ấp Phước Khánh). Sau khi thành lập, xã Phú Hữu có diện tích tự nhiên 81,40 km² và quy mô dân số 42.710 người.

12. Thành lập phường Tân Châu trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường Long Thạnh, phường Long Sơn. Sau khi thành lập, phường Tân Châu có diện tích tự nhiên 17,39 km² và quy mô dân số 33.506 người.

13. Thành lập phường Long Phú trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường Long Hưng, phường Long Châu, phường Long Phú. Sau khi thành lập, phường Long Phú có diện tích tự nhiên 19,21 km² và quy mô dân số 46.826 người.

14. Thành lập xã Tân An trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Tân Thạnh, xã Tân An, xã Long An. Sau khi thành lập, xã Tân An có diện tích tự nhiên 40,61 km² và quy mô dân số 41.922 người.

15. Thành lập xã Châu Phong trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Phú Vĩnh, xã Lê Chánh, xã Châu Phong. Sau khi thành lập, xã Châu Phong có diện tích tự nhiên 49,28 km² và quy mô dân số 56.322 người.

16. Thành lập xã Vĩnh Xương trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Phú Lộc, xã Vĩnh Xương, xã Vĩnh Hòa. Sau khi thành lập, xã Vĩnh Xương có diện tích tự nhiên 50,21 km² và quy mô dân số 41.369 người.

17. Thành lập xã Phú Tân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Phú Mỹ, xã Tân Trung, xã Tân Hòa, xã Phú Hưng. Sau khi thành lập, xã Phú Tân có diện tích tự nhiên 41,88 km² và quy mô dân số 71.244 người.

18. Thành lập xã Phú An trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Phú Thọ, xã Phú Xuân, xã Phú An. Sau khi thành lập, xã Phú An có diện tích tự nhiên 57,35 km² và quy mô dân số 40.005 người.

19. Thành lập xã Bình Thạnh Đông trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Hiệp Xương, xã Phú Bình, xã Bình Thạnh Đông. Sau khi thành lập, xã Bình Thạnh Đông có diện tích tự nhiên 61,70 km² và quy mô dân số 50.569 người.

20. Thành lập xã Chợ Vàm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Chợ Vàm, xã Phú Thạnh, xã Phú Thành. Sau khi thành lập, xã Chợ Vàm có diện tích tự nhiên 67,48 km² và quy mô dân số 50.436 người.

21. Thành lập xã Hòa Lạc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Hòa Lạc, xã Phú Hiệp. Sau khi thành lập, xã Hòa Lạc có diện tích tự nhiên 41,11 km² và quy mô dân số 30.864 người.

22. Thành lập xã Phú Lâm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Long Hòa, xã Phú Lâm, xã Phú Long. Sau khi thành lập, xã Phú Lâm có diện tích tự nhiên 43,07 km² và quy mô dân số 33.186 người.

23. Thành lập xã Mỹ Đức trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Mỹ Đức, xã Khánh Hòa. Sau khi thành lập, xã Mỹ Đức có diện tích tự nhiên 61,59 km² và quy mô dân số 60.493 người.

24. Thành lập xã Vĩnh Thạnh Trung trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Mỹ Phú, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung. Sau khi thành lập, xã Vĩnh Thạnh Trung có diện tích tự nhiên 64,97 km² và quy mô dân số 64.643 người.

25. Thành lập xã Châu Phú trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Cái Dầu, xã Bình Long, xã Bình Phú. Sau khi thành lập, xã Châu Phú có diện tích tự nhiên 80,11 km² và quy mô dân số 60.137 người.

26. Thành lập xã Bình Mỹ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Bình Mỹ, xã Bình Thủy, xã Bình Chánh. Sau khi thành lập, xã Bình Mỹ có diện tích tự nhiên 82,62 km² và quy mô dân số 68.650 người.

27. Thành lập xã Thạnh Mỹ Tây trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Thạnh Mỹ Tây, xã Đào Hữu Cảnh, xã Ô Long Vĩ. Sau khi thành lập, xã Thạnh Mỹ Tây có diện tích tự nhiên 162,08 km² và quy mô dân số 64.850 người.

28. Thành lập phường Thới Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường Nhơn Hưng, phường Nhà Bàng, phường Thới Sơn. Sau khi thành lập, phường Thới Sơn có diện tích tự nhiên 49,36 km² và quy mô dân số 33.045 người.

29. Thành lập phường Tịnh Biên trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường An Phú, phường Tịnh Biên, xã An Nông. Sau khi thành lập, phường Tịnh Biên có diện tích tự nhiên 75,57 km² và quy mô dân số 34.865 người.

30. Thành lập xã An Cư trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã An Cư, xã Văn Giáo, xã Vĩnh Trung. Sau khi thành lập, xã An Cư có diện tích tự nhiên 94,30 km² và quy mô dân số 39.956 người.

31. Thành lập phường Chi Lăng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường Chi Lăng, phường Núi Voi, xã Tân Lợi. Sau khi thành lập, phường Chi Lăng có diện tích tự nhiên 51,17 km² và quy mô dân số 28.401 người.

32. Thành lập xã Núi Cấm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Tân Lập, xã An Hảo. Sau khi thành lập, xã Núi Cấm có diện tích tự nhiên 84,18 km² và quy mô dân số 25.184 người.

33. Thành lập xã Ba Chúc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Ba Chúc, xã Lạc Quới, xã Lê Trì. Sau khi thành lập, xã Ba Chúc có diện tích tự nhiên 70,94 km² và quy mô dân số 32.071 người.

34. Thành lập xã Tri Tôn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Núi Tô, xã Châu Lăng, thị trấn Tri Tôn. Sau khi thành lập, xã Tri Tôn có diện tích tự nhiên 73,14 km² và quy mô dân số 50.716 người.

35. Thành lập xã Ô Lâm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã An Tức, xã Lương Phi, xã Ô Lâm. Sau khi thành lập, xã Ô Lâm có diện tích tự nhiên 99,52 km² và quy mô dân số 37.429 người.

36. Thành lập xã Cô Tô trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Cô Tô, xã Tà Đảnh, xã Tân Tuyển. Sau khi thành lập, xã Cô Tô có diện tích tự nhiên 176,75 km² và quy mô dân số 31.278 người.

37. Thành lập xã Vĩnh Gia trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Vĩnh Gia, xã Vĩnh Phước, xã Lương An Trà. Sau khi thành lập, xã Vĩnh Gia có diện tích tự nhiên 180,37 km² và quy mô dân số 20.902 người.

38. Thành lập xã An Châu trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn An Châu, xã Hòa Bình Thạnh, xã Vĩnh Thành. Sau khi thành lập, xã An Châu có diện tích tự nhiên 70,25 km² và quy mô dân số 65.588 người.

39. Thành lập xã Bình Hòa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Bình Hòa, xã Bình Thạnh, xã An Hòa. Sau khi thành lập, xã Bình Hòa có diện tích tự nhiên 48,63 km² và quy mô dân số 56.484 người.

40. Thành lập xã Cần Đăng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Cần Đăng, xã Vĩnh Lợi. Sau khi thành lập, xã Cần Đăng có diện tích tự nhiên là 65,21 km² và quy mô dân số là 35.257 người.

41. Thành lập xã Vĩnh Hanh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Vĩnh Hanh, xã Vĩnh Nhuận. Sau khi thành lập, xã Vĩnh Hanh có diện tích tự nhiên 76,81 km² và quy mô dân số 29.327 người.

42. Thành lập xã Vĩnh An trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Vĩnh Bình, xã Vĩnh An, xã Tân Phú. Sau khi thành lập, xã Vĩnh An có diện tích tự nhiên 93,41 km² và quy mô dân số 33.036 người.

43. Thành lập xã Cù Lao Giêng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Tân Mỹ, xã Mỹ Hiệp, xã Bình Phước Xuân. Sau khi thành lập, xã Cù Lao Giêng có diện tích tự nhiên 68,92 km² và quy mô dân số 70.372 người.

44. Thành lập xã Hội An trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Hội An, xã Hòa Bình, xã Hòa An. Sau khi thành lập, xã Hội An có diện tích tự nhiên 63,54 km² và quy mô dân số 73.897 người.

45. Thành lập xã Long Điền trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Mỹ Luông, xã Long Điền A, xã Long Điền B. Sau khi thành lập, xã Long Điền có diện tích tự nhiên 47,25 km² và quy mô dân số 65.487 người.

46. Thành lập xã Chợ Mới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Chợ Mới, xã Kiến An, xã Kiến Thành. Sau khi thành lập, xã Chợ Mới có diện tích tự nhiên 50,43 km² và quy mô dân số 80.832 người.

47. Thành lập xã Nhơn Mỹ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Nhơn Mỹ, xã Mỹ Hội Đông, xã Long Giang. Sau khi thành lập, xã Nhơn Mỹ có diện tích tự nhiên 78,66 km² và quy mô dân số 89.018 người.

48. Thành lập xã Long Kiến trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Long Kiến, xã An Thạnh Trung, xã Mỹ An. Sau khi thành lập, xã Long Kiến có diện tích tự nhiên 59,83 km² và quy mô dân số 57.367 người.

49. Thành lập xã Thoại Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Thoại Giang, xã Bình Thành, thị trấn Núi Sập. Sau khi thành lập, xã Thoại Sơn có diện tích tự nhiên 68,92 km² và quy mô dân số 52.588 người.

50. Thành lập xã Óc Eo trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Vọng Thê, xã Vọng Đông, thị trấn Óc Eo. Sau khi thành lập, xã Óc Eo có diện tích tự nhiên 68,79 km² và quy mô dân số 39.481 người.

51. Thành lập xã Định Mỹ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Định Thành, xã Định Mỹ, xã Vĩnh Phú. Sau khi thành lập, xã Định Mỹ có diện tích tự nhiên 109,77 km² và quy mô dân số 42.328 người.

52. Thành lập xã Phú Hòa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Phú Thuận, xã Vĩnh Chánh, thị trấn Phú Hòa. Sau khi thành lập, xã Phú Hòa có diện tích tự nhiên 71,80 km² và quy mô dân số 41.306 người.

53. Thành lập xã Vĩnh Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Vĩnh Khánh, xã Vĩnh Trạch. Sau khi thành lập, xã Vĩnh Trạch có diện tích tự nhiên 57,94 km² và quy mô dân số 32.397 người.

54. Thành lập xã Tây Phú trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã An Bình, xã Tây Phú, xã Mỹ Phú Đông. Sau khi thành lập, xã Tây Phú có diện tích tự nhiên 93,80 km² và quy mô dân số 23.229 người.

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh An Giang có 54 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 44 xã và 10 phường.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X, kỳ họp thứ 29 (chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú Thông tấn xã Việt Nam tại An Giang, Báo Nhân dân tại An Giang;
- Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Cổng thông tin điện tử VP.ĐDBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng TTDN.(H)

CHỦ TỊCH

Lê Văn Nưng